

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** B1.402

Môn thi: Kỹ năng nghe

Ca thi: 9h00

Ngày thi: 17/4/2021

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0061	Nguyễn Thị	Ánh	25/07/1999			
2	TA0062	Nguyễn Trung	Hiếu	06/04/1999			
3	TA0063	Nguyễn Văn	Duy	12/06/1999			
4	TA0064	Đỗ Đức	Kiên	24/03/1999			
5	TA0065	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/12/1999			
6	TA0066	Nguyễn Quang Ninh	Anh	25/05/1999			
7	TA0067	Nguyễn Thị Minh	Hằng	1/1/1999			
8	TA0068	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/06/1999			
9	TA0069	Trần Thị	Tuyết	01/11/1998			
10	TA0070	Nguyễn Hải	Yến	3/2/1999			
11	TA0071	Vũ Thị	Thảo	05/01/1999			
12	TA0072	Trần Đức	Thắng	29/08/1999			
13	TA0073	Nguyễn Ngọc	Diệp	31/08/1999			
14	TA0074	Phạm Tú	Uyên	15/7/1999			
15	TA0075	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999			
16	TA0076	Nguyễn Thị	Thắm	01/04/1999			
17	TA0077	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999			
18	TA0078	Nguyễn Thị Tú	Uyên	05/02/1999			
19	TA0079	Lê Quý	Hòa	18/05/1999			
20	TA0080	Nguyễn Hồng	Nhung	21/08/1999			
21	TA0081	Đặng Anh	Thư	02/09/1999			
22	TA0082	Phạm Thị Như	Quỳnh	10/10/1999			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
23	TA0083	Đoàn Thị Hương	Giang	14/11/1999			
24	TA0084	Nguyễn Thuý	Đào	29/06/1999			
25	TA0085	Lê Thị Ngọc	Yến	06/01/1999			
26	TA0086	Vũ Minh	Tuyền	1/10/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)